|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  **TỔ: HÓA - SINH** | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC SINH HỌC, KHỐI LỚP 12**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 12 **.**  **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** không

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 5. **Trình độ đào tạo**: Đại học.

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng thí nghiệm thực hành | 1 | * Bồi dưỡng HSG * Thi nghiệm thực hành |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học(Phân phối chương trình):**

***HỌC KỲ I***

**Từ tuần 1 đến tuần 18 (18 tuần thực học)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên/chủ đề bài học** | | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/địa điểm tổ chức dạy học** | **Gợi ý/hướng dẫn thực hiện** |
| **Tổng** | **Chi tiết** |
| **1** | **Chương I: CƠ CHẾ DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ**  **Chủ đề 1 : Gen – Mã DT- Quá trình nhân đôi ADN- Phiên mã– Dịch mã** | Bài 1: Gen, mã di truyền và quá trìng nhân đôi ADN | **3** | **1** | - Nêu được khái niệm gen.  - Nêu được khái niệm mã di truyền và một số đặc điểm của mã di truyền.  - Trình bày được diễn biến chính của cơ chế sao chép ADN ở tế bào nhân sơ. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp trong 04 tiết để hoàn thành chủ đề 1  - Kĩ thuật hẹn hò.  - Giải quyết vấn đề. | *Mục I.2 Cấu trúc chung của gen cấu trúc không dạy chi tiết , chỉ giới thiệu 3 vùng như sơ đồ hình 1.1 SGK* |
| Bài 2: Phiên mã và dịch mã | **2** | - Nêu được cấu trúc và chức năng các loại ARN  - Trình bày được các diễn biến chính của quá trình phiên mã | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp trong 03 tiết để hoàn thành chủ đề 1  - Giải quyết vấn đề. | *Mục I.2 không dạy chi tiết phiên mã ở sinh vật nhân thực* |
| Bài 2: Phiên mã và dịch mã(TT) | **3** | - Trình bày được các diễn biến chính của quá trình dịch mã  - Sơ đồ cơ chế di truyền ở cấp đọ phân tử | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp trong 03 tiết để hoàn thành chủ đề 1  - Giải quyết vấn đề. |  |
| **2** | Bài 3: Điều hòa hoạt động gen | | **1** | **4** | - Nêu được khái niệm và các cấp độ điều hoà hoạt động của gen.  - Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động của các gen qua Opêron ở sinh vật nhân sơ.  - Nêu được ý nghĩa điều hoà hoạt động của gen ở sinh vật nhân sơ. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -Giải quyết vấn đề oặc học nhóm ở nhà | *Câu hỏi và bài tập: Câu 3 thay tử” giải thích” bằng từ”nêu”* |
| **3** | Bài 4: Đột biến gen | | **1** | **5** | - Nêu được khái niệm và và các dạng đột biến gen.  - Hiểu được nguyên nhân ĐBG.  - Nêu được hậu quả chung và ý nghĩa của đột biến gen. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  - Giải quyết vấn đề. | *Mục II.2 và hình 4.2 không dạy* |
| **4** | **Chủ đề 2: Cơ chế di tuyền và biến dị ở cấp đô tế bào** | Bài 5: Nhiễm sắc thể và đột bién cấu trúc nhiễm sắc thể | **2** | **6** | Mô tả được hình thái, cấu trúc siêu hiển vi NST ở sinh vật nhân thực.  - Trình bày được khái niệm đột biến cấu trúc NST.  - Nêu được nguyên nhân phát sinh, hậu quả và vai trò của các dạng đột biến cấu trúc NST. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp  - Để dạy “hình thái NST” có thể cho HS thi vẽ hình NST và chú thích.  - Cấu trúc siêu hiển vi của NST: Cho HS tự sơ đồ hóa rồi chú thích.  -“Đột biến cấu trúc NST” có thể dùng kĩ thuật mảnh ghép. |  |
| Bài 6: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể | **7** | -Trình bày được khái niệm đột biến số lượng NST.  - Nêu được khái niệm, phân loại, cơ chế hình thành, hậu quả và ý nghĩa của đột biến lệch bội.  - Nêu được khái niệm và cơ chế phát sinh thể tự đa bội và dị đa bội.  - Nêu được hậu quả và vai trò đột biến đa bội. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp  - “Đột biến số lượng NST” có thể dùng kĩ thuật hẹn hò.  -“Đột biến cấu trúc NST” có thể dùng kĩ thuật mảnh ghép. | *Hình 6.1 chỉ dạy 2 dạng đơn giản 2n + 1 và 2n -1*  ***Kiểm tra 15 phút*** |
| **5** | **Chương II: TÍNH QUY LUẬT CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN**  Bài 8: Quy luật Men Đen: Quy luật phân li | | **1** | **8** | -Trình bày được thí nghiệm và giải thích kết quả thí nghiệm của Menđen.  - Phát biểu được nội dung quy luật phân li.  - Giải thích được cơ sở tế bào của quy luật phân li. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **6** | **Bài 9**: Qui luật phân li độc lập | | **1** | **9** | + Trình bày được thí nghiệm, phân tích kết quả lai 2 cặp tính trạng của Menđen.  + Nêu được nội dung qui luật phân li độc lập của Menđen.  + Giải thích được cơ sở tế bào học của qui luật phân li độc lập, điều kiện nghiệm đúng của qui luật  + Biết vận dụng công thức tổ hợp để giải thích tính đa dạng của sinh giới và các bài tập về qui luật di truyền. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **7** | Bài 10: Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen | | **1** | **10** | - Giải thích được thế nào là tương tác cộng gộp và nêu vai trò của gen cộng gộp trong việc qui định tính trạng số lượng.  - Giải thích được một gen có thể qui định nhiều tính trạng khác nhau, thông qua ví dụ cụ thể về gen qui định hồng cầu hình liềm ở người.  - Nêu được ví dụ về tính trạng do nhiều gen chi phối (tác động cộng gộp) và ví dụ về tác động đa hiệu của gen. | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **8** | Bài 11: Liên kết gen và hoán vị gen | | **2** | **11** | Nhận biết được hiện tượng liên kết hoàn toàn  -Các dặc điểm của LKG  - Giải thích được cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gen  - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết hoàn toàn | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **12** | -Nhận biết được hiện tượng liên kết không hoàn toàn  -Các dặc điểm của HVG  - Giải thích được cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gen  - Định nghĩa được hoán vị gen, tính được tần số hoán vị gen.  - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết không hoàn toàn | - HS tự nghiên cứu hoặc học nhóm ở nhà.  -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **9** | Bai 12: Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân | | **1** | **13** | - Trình bày được các thí nghiệm và cơ sở tế bào học của di truyền liên kết với giới tính.  - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết với giới tính.  - Trình bày được đặc điểm của di truyền ngoài NST (di truyền ở ti thể và lục lạp) | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **10** | **Bài 13:** Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen | | **1** | **14** | - Nêu được những ảnh hưởng của điều kiện môi trường trong và ngoài đến sự biểu hiện của gen và mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình thông qua một ví dụ.  - Nêu khái niệm mức phản ứng | -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **11** | **Bài 15:** Bài tập chương I và chương II | | **1** | **15** | - Học sinh khắc sâu kiến thức về khái niệm, nguyên nhân, cơ chế về AD N, ARN, protein.  Từ đó rút ra công thức để áp dụng giải bài tập  - Khắc sâu được các dạng và cơ chế đột biến gen, đột biến cấu trúc và đột biến số lượng NST từ đó rút ra công thức áp dụng giả bài tập  - Học sinh khắc sâu kiến thức về qui luật phân li, qui luật phân li độc lập, tương tác gen, liên kết gen, hoán vị ge, di truyền liên kết với giới tinh. Từ đó rút ra công thức để áp dụng giải bài tập  - Nhận dạng và phân biệt được các qui luật di truyền | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | chương I chỉ làm bài 1,3,6,8 chương II chỉ làm bài 2,6,7 |
| **12** | Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ I | | **1** | **16** | **-**Ôn lại kiến thức đẫ học:  - Khái niêm về gen, mã di truyền, cơ chế nhân đôi AD N  - Phiên mà, dịch mã, điều hòa hoạt động của gen  - Khái niệm đột biến gen, các dạng đột biến gen, hậu quả và vai trò của đột biến gen, các dạng đột biến NST, cơ chế phát sinh các dạng đột biến NST  Quy luật phân ly, phân ly độc lâp  - Quy luaath tương tác gen  -Quy luật di truyền liên kết và hoán vị gen  -Qui luật di truyền liên kết với giới tính  - Ảnh hưởng của môi trường đến sự bieeur hiện của gen. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề để kiểm tra |  |
| **13** | **Kiểm tra giữa KH I** | | **1** | **17** | Theo kế hoạch của nhà trường | Theo kế hoạch của nhà trường | Theo kế hoạch của nhà trường |
| **14** | **Chương III: Di truyền học quần thể**  ***Chủ đề 3: Cấu trúc di truyền của quẩn thể*** | Bai 16: Cấu trúc di truyền của quần thể | **2** | **18** | **-** Giải thích được thế nào là một quần thể sinh vật cùng các đặc trưng di truyền của quần thể.  - Biết cách tính tần số của các alen và tần số kiểu gen của quần thể .  - Nêu được xu hướng thay đổi cấu trúc di truyền của quần thể tự thụ phấn và giao phối gần. | -GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| Bài 17: Cấu trúc di truyền của quần thể(tt) | **19** | - Phát biểu được khái niệm quần thể ngẫu phối  - Phát biểu được nội dung định luật Hacdi-Vanbec  - Nêu được những điều kiện nghiệm đúng và ý nghĩa của định luật Hacdi-Vanbec.  - Biết cách tính tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể.  - Phân biệt được xu hướng thay đổi cấu trúc di truyền của quần thể tự phối và quần thể giao phối ngẫu nhiên qua các thế hệ.  - Giải thích được thế nào là trạng thái cân bằng di truyền của một quần thể . - Xác định được cấu trúc của quần thể khi ở trạng thái cân bằng di truyền. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục III.2 lệnh trang 73 và câu hỏi và bài tập câu 4 không thực hiện*  ***Kiểm tra 15 phút*** |
| **15** | **Chương IV: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC**  Bài 18: Chọn giống vật nuôi và cây trồng dựa trên nguồn biến dị tổ hợp | | **1** | **20** | - Giải thích được cơ chế phát sinh và vai trò của biến dị tổ hợp trong qúa trình tạo dòng thuần.  - Nêu được khái niệm ưu thế lai và trình bày được các phương pháp tạo giống lai cho ưu thế lai.  - Giải thích được tại sao ưu thế lai thường cao nhất ở F1 và giảm dần ở đời sau. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục I. Hình 18.1 không dạy* |
| **16** | Bài 19: Tạo giống bằng phương pháp gây đột biến và công nghệ tế bào | | **1** | **21** | - Giải thích được quy trình tạo giống mới bằng phương pháp gây đột biến  - Trình bày được quy trình tạo giống bằng phương pháp gây đột biến  - Phân biệt được các phương pháp chọn giống thực vật bằng kĩ thuật nuôi cấy mô tế bào.  - Nêu được lợi ích của chọn giống thực vật bằng công nghệ tế bào.  - Phân biệt được 2 phương pháp cấy truyền phôi và nhân bản vô tính bằng kĩ thuật chuyển nhân ở tế bào động vật. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **17** | Bài 20: Tạo giống nhờ công nghệ gen | | **1** | **22** | - Giải thích được các khái niệm cơ bản như : công nghệ gen, ADN tái tổ hợp, thể truyền.  - Nắm được cấu tạo plasmit và sự giống nhau, khác nhau của ADN và plasmit  - Trình bày được các bước cần tiến hành trong kỹ thuật chuyển gen  - Nêu được khái niệm sinh vật biến đổi gen và các ứng dụng của công nghệ gen trong việc tạo ra các giống sinh vật biến đổi gen | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **18** | Bài 21: Di truyền y học | | **1** | **23** | - Nêu được khái niệm di truyền y học.  - Nêu được khái niệm và kể được một số bệnh, bệnh di truyền phân tử, bệnh NST( cơ chế phát sinh bệnh Đao), bệnh ung thư. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục câu hỏi và bài tập câu 4 không thực hiện* |
| **19** | Bài 22: Bảo vệ vốn gen của loài người và một số vấn đề xã hội của di truyền học | | **1** | **24** | - Hiểu đúng cơ chế tác động của các quy luật di truyền và quy luật xã hội lên cơ thể con người.  - Hiểu được vai trò của tư vấn di truyền và việc sàng lọc trước khi sinh.  - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học. | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **20** | Bài 23: Ôn tập phần di tuyền học | | **1** | **25** | Học sinh khắc sâu kiến thức di truyền và biến dị đã học | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục II. Mục câu hỏi và bài tập câu 4 không thực hiện* |
| **21** | Ôn tập kiểm tra học kỳ I | | **1** | **26** | Học sinh khắc sâu kiến thức  - Cơ sở di truyền và biến dị  - Cá quy luật di truyền  - Di truyền học quần thể  - Ứng dụng di truyền học vào trong chọn giống.  - Di truyền học người | GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  -- Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **22** | Kiểm tra cuối kỳ I | | **1** | **27** | Theo kế hoạch | Theo kế hoạch | Theo kế hoạch |
| ***HỌC KỲ II***  **Từ tuần 19 đến tuần 35 (17 tuần thực học)** | | | | | | | |
|  | **Phần sáu: TIẾN HÓA**  **Chương I: BẰNG CHỨNG VÀ CƠ CHẾ TIẾN HÓA**  Bài 24**:** Các bằng chứng tiến hóa | | **1** | **28** | - Trình bày được 1 số bằng chứng về giải phẫu so sánh chứng minh mối quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật. Lấy được các ví dụ về các bằng chứng đó.  - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan thoái hóa, cơ quan tương tự.  - Nêu được 1 số bằng chứng về tế bào học và sinh học phân tử.  - Trình bày được ý nghĩa của thuyết cấu tạo bằng tế bào; sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và protein của các loài. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Mục II. Bằng chứng phôi sinh học và Mục III . Bằng chứng địa lý sinh vật học – HS tự đọc.  Mục câu hỏi và bài tập: Câu 2, câu 3 – Không yêu cầu HS thực hiện. |
| **23** | Bài 25: Học thuyết LaMac và học thuyết ĐacUyn | | **1** | **29** | Nêu được các luận điểm cơ bản của học thuyết tiến hóa Đacuyn.  - Nêu được những đóng góp và những tồn tại của Đacuyn.  - So sánh được CLTN và CLNT theo quan điểm của Đacuyn. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục I. Học thuyết tiến hóa LaMac không dạy chi tiết , chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài* |
| **24** | Bài 26:Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại | | **2** | **30** | - Nêu đặc điểm của thuyết tiến hóa tổng hợp  - Phân biệt được khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **31** | - Trình bày được vai trò của đột biến đối với tiến hóa nhỏ là cung cấp nguyên liệu sơ cấp.  - Nêu được đột biến gen là nguyên liệu chủ yếu của quá trình tiến hóa.  - Trình bày được vai trò của giao phối (giao phối có lựa chọn, giao phối gần và tự phối) đối với tiến hóa nhỏ: cung cấp nguyên liệu thứ cấp, làm thay đổi thành phẩn kiểu gen của quần thể.  - Nêu được vai trò của di - nhập gen đối với tiến hóa nhỏ.  - Trình bày được sự tác động của chọn lọc tự nhiên. Vai trò của quá trình chọn lọc tự nhiên.  - Nêu được vai trò của biến động di truyền (các nhân tố ngẫu nhiên) đối với tiến hóa nhỏ. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **25** | Bài 28: Loài | | **1** | **32** | -Nêu được khái niệm loài sinh học.  - Nêu và giải thích được các cơ chế cách li trước hợp tử  - Nêu và giải thích được các cơ chế cách li sau hợp tử  -Phân biệt được các cấp tổ chức trong loài: cá thể, quần thể.  -Nêu được vai trò của các cơ chế cách li đối với quá trình tiến hóa. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Mục câu hỏi và bài tập: Câu 3 không thực hiện |
| **26** | **Chủ đề 4: Quá trình hình thành** **loài và tiến hóa lớn** | Bài 29:Quá trình hình thành loài | **2** | **33** | - Nêu được thực chất của quá trình hình thành loài.  - Nêu được khái niệm và vai trò của cách li địa lí trong quá trình hình thành loài.  - Nêu ra được các phương thức hình thành loài mới, phương thức thường xảy ra đối với từng nhóm loài.  - Trình bày được đặc điểm của các phương thức hình thành loài mới.  - Giải thích được sự cách ly địa lý dẫn đến phân hóa vốn gen giữa các quần thể như thế nào.  - Giải thích được tại sao quần đảo lại là nơi lý tưởng cho quá trình hình thành loài. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Mục I.2. Thí nghiệm chứng minh quá trình hình thành loài bằng cách li đia lý khuyến khích HS đọc sách giáo khoa |
| Bài 20:Quá trình hình thành loài(tt) – tiến hóa lớn | **34** | - Giải thích được sự cách li về tập tính và cách li sinh thái dẫn đến hình thành loài mới như thế nào.  - Giải thích được quá trình hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hoá.  - Biết vận dụng vai trò của các nhân tố tiến hóa cơ bản (đột biến, giao phối không ngẫu nhiên, CLTN, các yếu tố ngẫu nhiên, di-nhập gen) để giải thích quá trình hình thành loài mới.  - Giải thích được tiến hóa lớn và vấn đề phân loại thế giới sống | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Bài tiến hóa lớn phần I không dạy chi tiết chir dạy phần chữ đóng khung cuối bài. Phần II không day  **Kiểm tra 15 phút** |
| **27** | **Chương II: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 32: Nguồn gốc của sự sống  Bài 33: Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất | | **1** | **35** | -Nắm được các giai đoạn phát sinh sự sống trên trái đất  - Nêu được khái niệm hóa thạch và vai trò của hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới.  -Nắm được các đại địa chất sinh vật điển hình rong các đại địa chất | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Bài 32 không dạy chi tiết chỉ giới thiệu các giai đoạn phát sinh sự sống trên trái đất  -Mục câu hỏi và bài tập không thực hiện  -Bài 33 II1. Hiện tượng trôi dạt lục địa kk HS đọc SGK  - Mục II2 các sinh vật trong đại địa chất không day chi tiết chỉ liệt các đại địa chất và sinh vật điển hình |
| **28** | Bài 34: Sự phát sinh lài người | | **1** | **36** | - Giải thích được nguồn gốc động vật của loài người dựa trên các bằng chứng giải phẫu so sánh, phôi sinh học so sánh, đặc biệt là sự giống nhau giữa người và vượn người.  - Nắm được người hiệ đại và sự tiế hóa văn hóa  - Sưu tầm tư liệu về sự phát sinh loài người. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Mục I1 Các dạng vượn người hóa thạch và quá trình hình thành loài người kk HS đọc SGK  Mục câu hỏi và bài tập câu 2 không thực hiện |
| **29** | **Phần bảy: SINH THÁI HỌC**  **Chương I: CÁ THỂ VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT**  Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái | | **1** | **37** | - Nắm được khái niệm về môi trường sống của sinh vật, các loại môi trường sống.  - Trình bày được các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên cơ thể sinh vật.  - Trình bày được một số quy luật tác động của các nhân tố sinh thái: quy luật tác động tổng hợp và quy luật giới hạn.  - Nêu được các khái niệm: nơi ở, ổ sinh thái…  - Nêu được một số nhóm sinh vật theo giới hạn sinh thái của các nhân tố vô sinh.  - Liên hệ, vận dụng giải thích một số hiện tượng liên quan. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | Mục III lệnh trang 153 không thực hiện |
| **30** | **Chủ đề 5: Quần thể sinh vật** | Bài 36:Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể | **3** | **38** | - Định nghĩa được khái niệm quần thể (về mặt sinh thái học)  - Nêu được các mối quan hệ sinh thái giữa các cá thể trong quần thể : quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh.  - Nêu được ý nghĩa sinh thái của các quan hệ đó. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục I1 lẹnh trang 157 và II2 lẹnh trang 159 không thực hiện* |
| Bài 37: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật | **39** | + Nêu được các đặc trưng cơ bản về cấu trúc của quần thể sinh vật, lấy được ví dụ minh họa:  - Nêu được khái niệm mật độ cá thể của quần thể sinh vật.  - Biết được các kiểu phân bố cá thể trong quần thể.  - Nêu được khái niệm tỉ lệ giới tính và biết được các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ lệ giới tính.  - Biết được các nhóm tuổi chủ yếu trong quần thể.  + Hiểu được ý nghĩa của việc nghiên cứu các đặc trưng cơ bản của quần thể trong thực tế sản xuất, đời sống. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục II.Lệnh trang 162, 163, hình 37.2 không thực hiện* |
| Bài 38: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật(tt) | **40** | - Nêu được khái niệm kích thước quần thể, sự dao động kích thước quần thể và những nhân tố ảnh hưởng tới kích thước quần thể.  - Nêu được sự tăng trưởng kích thước quần thể trong điều kiện môi trường bị giới hạn và không bị giới hạn. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục VI lẹnh trang 168 không thực hiện* |
| **31** | Bài 39: Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật | | **1** | **41** | -Nêu được khái niệm biến động số lượng cá thể, hiểu và trình bày được các hình thức biến động số lượng của quần thể, lấy ví dụ minh họa.  - Phân tích được nguyên nhân gây nên biến động số lượng cá thể trong quần thể.  - Nêu được cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể.  - Nêu được trạng thái cân bằng của quần thể. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **32** | Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ I | | **1** | **42** | Học sinh ôn lai kiến thức đã học để kiểm tra giữa học kỳ | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **33** | **Kiểm tra giữa HK II** | | **1** | **43** | Theo kế hoạch của trường | Theo kế hoạch của trường | Theo kế hoạch của trường |
| **34** | **CHƯƠNG II: QUẦN XÃ SINH VẬT**  **Chủ đề 6: Quần xã sinh vật**. | Bài 40: Quần xã sinh vật và một số đặc trưng cơ bản của quần xã | **2** | **44** | - Nêu được định nghĩa và lấy được ví dụ minh họa về quần xã sinh vật.  - Mô tả được các đặc trưng cơ bản của quần xã, lấy ví dụ minh họa cho các đặc trưng đó.  - Phân biệt được các mối quan hệ sinh thái giữa các loài trong quần xã và lấy được ví dụ minh họa cho các mối quan hệ đó. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| Bài 41: Diễn Thế sinh thái | **45** | - Trình bày được khái niệm, nguyên nhân diễn thế.  - Phân biệt được diễn thế nguyên sinh với diễn thế thứ sinh.  - Nêu được ý nghĩa của diễn thế sinh thái. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục III. Lệnh trang 184 , bảng 41 không thực hiện* |
| **35** | **Chương III: HỆ SINH THÁI, SINH QUYỂN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  Bài 42: Hệ sinh thái | | **1** | **46** | - Trình bày đươc khái niệm hệ sinh thái.  - Lấy được một số ví dụ về các hệ sinh thái chính của Trái Đất.  - Phân tích được thành phần cấu trúc của một số hệ sinh thái.  - Nêu được điểm giống và khác nhau giữa hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **36** | Bài 43: Trao đổi vật chất trong hệ sinh thái | | **1** | **47** | - Nêu được khái niệm về chuỗi, lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng, lấy ví dụ minh họa.  - Nêu nguyên tắc thiết lập các bậc dinh dưỡng, lấy ví dụ minh họa.  - Nêu được khái niệm tháp sinh thái, phân biệt được 3 loại tháp sinh thái. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | **Kiểm tra 15 phút** |
| **37** | Bài 44: Chu trình sinh địa hóa và sinh quyển | | **1** | **48** | - Nêu được khái niệm chu trình sinh đại hóa.  - Trình bày được các chu trình sinh địa hóa: Nước, Cacbon, Nitơ.  - Nêu được khái niệm sinh quyển, kể tên được một số khu sinh học (biom) trên trái đất. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *Mục II2. Chu trình Nito không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài* |
| **38** | Bài 45: Dòng năng lượng trong hệ sinh thái và hiệu suất sinh thái | | **1** | **49** | **-** Trình bày được quá trình chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái (dòng năng lượng).  - Nêu được khái niệm hiệu suất sinh thái.  - Giải thích được sự tiêu hao năng lượng ở mỗi bậc dinh dưỡng. | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. | *-Mục I2. Lệnh trang 202(quan sát hình 43.1) không thực hiện*  *-Mục câu hỏi và bài tập câu 4 không thực hiện* |
| **39** | Bài 46: Thực hành: Quản lý và sứ dụng bền vững tài nguyên thiê niên | | **1** | **50** | -Nêu được khái niệm về các dạng tài nguyên thiên nhiê đang được sử dụng chủ yếu hiện nay, lấy được ví dụ minh học  -Phân tích được tác động của việc sử dụng tài nguyên không khoa học anh hưởng đến môi trường  - Chỉ ra được các biện pháp chính sử dụng nguồn tài nguyên tiên nhiên  - Có ý thức bảo vệ môi trường | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **40** | **Ôn tập kiểm tra học kỳ II** | | **1** | **51** | - Giúp HS khắc sâu kiến thức về:  - Phần 6: Tiến hóa  - Phần 7: Sinh thái học  - Ôn tập theo câu hỏi trắc nghiệm.  - Ôn tập theo ma trận đề | - GV tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp để hoàn thành bài học trong 1 tiết  - Dạy học giải quyết vấn đề. |  |
| **41** | **Kiểm tra cuối học kỳ II** | | 1 | **52** | Theo kế hoạch của sở | Theo kế hoạch của sở | Theo kế hoạch của sở |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**Duyệt của Ban Giám Hiệu NHÓM TRƯỞNG BỘ MÔN SINH – CÔNG NGHỆ**

*(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)*

Trần Văn Hưng